

- 20% cho quỹ phúc lợi,
- 20% cho quỹ phát triển sản xuất.

Số tiền thưởng do xí nghiệp hoàn thành nhiệm vụ xuất khẩu theo chế độ riêng về thưởng khuyến khích xuất khẩu không phải tính vào mức khống chế tương đối và được trích bổ sung cho các quỹ xí nghiệp theo tỷ lệ:

- 60% cho quỹ khen thưởng,
- 20% cho quỹ phúc lợi,
- 20% cho quỹ phát triển sản xuất.

Nếu xí nghiệp không hoàn thành các phần kế hoạch sản xuất chính, kế hoạch sản xuất phụ, bị giảm trừ mức trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi quá nhiều không đạt mức bình quân đầu người cả hai quỹ cộng lại bằng 60 đồng thì sẽ được ngân sách trợ cấp cho đủ mức bình quân đó (60đ đầu người bổ sung vào quỹ khen thưởng hay quỹ phúc lợi bao nhiêu do giám đốc xí nghiệp quyết định).

#### IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này chỉ áp dụng đối với các xí nghiệp sản xuất công nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương thuộc tất cả các ngành. Đối với các xí nghiệp xây dựng, vận tải, nông nghiệp, khai thác gỗ, đánh cá biển, các Bộ chủ quản bàn bạc thống nhất với Bộ Tài chính để vận dụng chế độ phân phối lợi nhuận và trích quỹ xí nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành mình. Thông tư này không áp dụng đối với các xí nghiệp phân phối lưu thông, dịch vụ, văn hóa, y tế, giáo dục, các cơ quan hành chính sự nghiệp, và sẽ có quy định riêng.

Những quy định trước đây về chế độ thu quốc doanh, phân phối lợi nhuận và trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong các thông tư số 3-TC/CNXD ngày 28-3-1978 và số 4-TT/TC ngày 18-3-1981 của Bộ Tài chính trái với các quy định trong thông tư này đều bãi bỏ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 9 năm 1982 và được áp dụng

vào việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ xí nghiệp năm 1982.

Hà Nội, ngày 1 tháng 9 năm 1982

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRẦN TIÊU

#### NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

**THÔNG TƯ số 62-NH/TT ngày 30-8-1982 hướng dẫn thi hành quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc sửa đổi và bổ sung quyết định số 25-CP ngày 21-1-1981 của Hội đồng Chính phủ.**

Thi hành quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc sửa đổi và bổ sung quyết định số 25-CP, Ngân hàng Nhà nước trung ương hướng dẫn một số điểm có liên quan về tiền tệ tín dụng, thanh toán như sau.

#### I. NGÂN HÀNG THAM GIA XÁC ĐỊNH LẠI PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CÁC XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH CHO SÁT VỚI ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ HIỆN NAY

1. Quyết định của Hội đồng bộ trưởng quy định «trên cơ sở khả năng cân đối hiện thực về năng lượng, vật tư, nguyên liệu, phụ tùng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng với các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các liên hiệp xí nghiệp tiến hành việc sắp xếp lại sản xuất, phân loại xí nghiệp, xác định đúng đắn nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất cho phù hợp với điều kiện hiện tại».

Các ngân hàng chuyên nghiệp trung ương, ngân hàng tỉnh, thành phố và ngân

hàng cơ sở theo chức năng của mình, có trách nhiệm tham gia cùng các Bộ, Tổng cục, tỉnh, thành phố và các xí nghiệp sắp xếp lại các cơ sở sản xuất theo 3 loại:

a) Các xí nghiệp có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, được Nhà nước ưu tiên bảo đảm cung cấp đủ những phương tiện, vật tư, nguyên liệu chủ yếu để sản xuất ổn định.

b) Các xí nghiệp không được Nhà nước cung ứng đủ vật tư chủ yếu thì được quyền chủ động tìm thêm vật tư, nguyên liệu từ những nguồn khác nhau, kể cả vay ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước để nhập vật tư, nguyên liệu, phụ tùng.

c) Các xí nghiệp không có khả năng tiếp tục hoạt động, hoặc hoạt động không có hiệu quả kinh tế thì cho phép được chuyển hướng sản xuất hoặc tạm ngừng sản xuất.

Các căn cứ để sắp xếp lại cơ sở sản xuất theo hướng dẫn tại chỉ thị số 120-HĐBT ngày 17 tháng 7 năm 1982 của Hội đồng bộ trưởng và những văn bản liên quan khác của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

2. Trên cơ sở xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, các ngân hàng cơ sở phải giúp đỡ, thúc đẩy các xí nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất, kỹ thuật tài chính trong đó có kế hoạch vốn lưu động định mức, xin cấp bổ sung đủ vốn lưu động tự có hoặc trích lợi nhuận bổ sung đủ vốn lưu động tự có theo chế độ hiện hành.

Quyết định số 146-HĐBT quy định «tùy điều kiện cụ thể về khả năng của Nhà nước trong việc cân đối và cung ứng vật tư chủ yếu cho xí nghiệp, kế hoạch của xí nghiệp có thể có phần do Nhà nước giao được cân đối vật tư chủ yếu và phần do xí nghiệp chủ động tự tìm kiếm vật tư để sản xuất». Vì vậy, kế hoạch vốn lưu động định mức phải bao gồm hai nội dung nói trên. Bên cạnh kế hoạch sản xuất chính, các xí nghiệp còn xây dựng kế hoạch sản xuất phụ (nếu có).

## II. CÔNG TÁC TÍN DỤNG, THANH TOÁN ĐỐI VỚI XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP

### 1. Tín dụng đối với xí nghiệp sản xuất ổn định.

Ngân hàng Nhà nước tập trung vốn đáp ứng nhu cầu cần thiết về vốn lưu động đã được kế hoạch hóa, nhằm giúp xí nghiệp hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh. Các xí nghiệp có nhu cầu vốn phát sinh đột xuất, nếu có hiệu quả kinh tế, có thêm sản phẩm cho Nhà nước, ngân hàng xem xét và cho vay vốn theo thẻ lệ hiện hành.

Đối với xây dựng cơ bản, tín dụng, ngân hàng tham gia đầu tư vào các công trình thuộc kế hoạch Nhà nước và chú trọng đầu tư theo chiều sâu, thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến, mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất và cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có, với số vốn đầu tư ít nhưng đạt hiệu quả kinh tế cao và nhanh.

### 2. Tín dụng đối với trường hợp xí nghiệp phải tự tìm vật tư để sản xuất.

a) Đối với những xí nghiệp không được Nhà nước cung ứng đủ vật tư chủ yếu mà phải tự tìm thêm vật tư từ những nguồn khác thì ngoài việc cho vay vốn lưu động thông thường để mua vật tư được phân phối và chi phí sản xuất, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao, xí nghiệp còn được vay vốn để thực hiện kế hoạch bổ sung.

Để có thể vay vốn lưu động cần thiết đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất kinh doanh, xí nghiệp cần:

— Có kế hoạch bổ sung về sản xuất, tiêu thụ, kế hoạch vốn lưu động định mức được cơ quan chủ quản xét duyệt đồng thời với kế hoạch Nhà nước giao đã được cân đối vật tư, được cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính cấp vốn bổ sung hoặc có kế hoạch trích lợi nhuận để tự bổ sung đủ vốn lưu động tự có theo tỷ lệ quy định.

Trong quá trình sản xuất, xí nghiệp tìm thêm được nguồn vật tư, nguyên liệu cho kế hoạch bổ sung, ngân hàng cũng coi đây là đối tượng xem xét cho vay, không yêu cầu phải duyệt lại định mức vốn lưu động.

— Giải trình rõ việc sản xuất ra sản phẩm là có lãi và có hợp đồng tiêu thụ hợp lệ.

— Bảo đảm trả nợ ngân hàng đúng hạn.

b) Về giá cả đề cho vay và thanh toán:

— Những vật tư của Nhà nước cung ứng theo chỉ tiêu kế hoạch, cho vay và thanh toán theo giá chỉ đạo của Nhà nước.

— Những vật tư còn thừa chưa dùng đến của xí nghiệp khác nhượng lại trên tinh thần hợp tác tương trợ, cho vay và thanh toán theo giá bán buôn vật tư của Nhà nước cộng với chi phí bảo quản và vận tải hợp lý do hai bên thỏa thuận.

— Những vật tư kỹ thuật được phép thanh lý, cho vay và thanh toán theo giá chỉ đạo đối với vật tư thanh lý của Nhà nước.

— Những vật tư là nông, lâm, hải sản thuộc diện vật tư Nhà nước thống nhất quản lý, cho vay và thanh toán theo khung giá chỉ đạo của Nhà nước do cơ quan được phân cấp quản lý giá quy định.

— Những vật tư không thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý, cho vay và thanh toán theo giá thỏa thuận, theo đúng các quy định và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sở tại.

Các ngân hàng cơ sở không được cho vay đề xí nghiệp mua trên thị trường tự do những loại vật tư do Nhà nước độc quyền phân phối.

c) Tài khoản cho vay, thời hạn trả nợ được thực hiện như việc cho vay trong và trên định mức (hoặc trong và ngoài kế hoạch) thông thường. Những xí nghiệp trước đây có vay vốn để sản xuất theo kế hoạch tự làm, phản ánh trên tiêu khoản cho vay vốn lưu động số 30. Cho vay sản xuất tự làm, nếu còn nợ thì nay được chuyển số dư vào tài khoản cho vay trong và trên định mức (hoặc trong, ngoài kế hoạch) tất toán tiêu khoản 30.

### 3. Đối với các xí nghiệp chuyên hướng sản xuất hoặc tạm ngừng sản xuất.

a) Đối với những xí nghiệp gặp khó khăn, không thể tiếp tục sản xuất theo nhiệm vụ đã duyệt mà phải chuyển hướng sản xuất sang ngành, nghề hoặc loại sản phẩm khác, ngân hàng cơ sở cần giúp đỡ và thúc đẩy xí nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính theo yêu cầu của nhiệm vụ mới, trình cấp có thẩm quyền xét duyệt, ngân hàng thực hiện cho vay vốn lưu động đối với xí nghiệp theo thể lệ hiện hành.

b) Đối với những xí nghiệp tạm ngừng sản xuất, ngân hàng cơ sở cần phối hợp với cơ quan chủ quản xí nghiệp và các cơ quan liên quan giúp xí nghiệp kiểm kê, bảo quản tài sản cố định, tiêu thụ sản phẩm, chuyển nhượng số vật tư tồn kho, giải quyết những khoản phải thu, phải trả, xử lý tài sản tồn thất theo chế độ, thu hồi các khoản phải thu (kể cả nguồn bù lỗ). Kể từ ngày có quyết định tạm ngừng sản xuất, ngân hàng ngừng mọi khoản cho vay, tiếp tục thu hồi nợ từ tài khoản tiền gửi và từ các khoản thu nhập bằng tiền do kết quả thanh lý của xí nghiệp. Giám đốc ngân hàng tỉnh, thành phố có thể xét quyết định miễn thu lãi cho số dư nợ kể từ ngày có quyết định ngừng sản xuất.

### 4. Tín dụng đối với sản xuất phụ.

a) Ngân hàng Nhà nước cho xí nghiệp vay vốn để thực hiện sản xuất phụ nhằm mục đích giúp xí nghiệp tận dụng sức lao động dôi thừa, tận dụng thiết bị, nhà xưởng, phế liệu, phế phẩm để làm thêm sản phẩm, cung cấp cho nhu cầu thị trường.

Muốn được vay vốn, xí nghiệp cần:

— Gửi tới ngân hàng kế hoạch sản xuất phụ đã được cơ quan quản lý cấp trên duyệt về mặt hàng, giá thành và giá bán sản phẩm.

— Giải trình rõ việc sản xuất ra sản phẩm là có lãi và có hợp đồng tiêu thụ, hoặc có kế hoạch tự tiêu thụ (nếu thương nghiệp quốc doanh không thu mua).

— Có một số vốn lưu động tự có bỏ vào sản xuất.

b) Đối tượng cho vay vốn là những vật tư xí nghiệp phải mua để sản xuất. Nhưng phế liệu, phế phẩm xí nghiệp tận dụng từ sản xuất chính sẽ được hoàn lại giá trị khi xí nghiệp tiêu thụ sản phẩm phụ, không là đối tượng cho vay của ngân hàng.

Những xí nghiệp cần mua thêm thiết bị, xây dựng thêm nhà xưởng để thực hiện sản xuất phụ, ngân hàng sẽ xem xét và giải quyết cho vay theo thể lệ cho vay vốn cố định hiện hành.

c) Về giá cả, ngân hàng cho vay và thanh toán những vật tư mua ngoài theo quy định ở tiết b, điểm 2, mục II.

d) Cho vay vốn lưu động để sản xuất phụ theo tài khoản đơn giản. Tiền vay được hạch toán vào tiểu khoản cho vay số 29 Cho vay vốn lưu động để sản xuất phụ. Thời hạn tối đa của mỗi món vay là 3 tháng, trường hợp đặc biệt, theo đề nghị của giám đốc xí nghiệp, trưởng ngân hàng có thể quy định dài hơn nhưng không quá 6 tháng. Lãi suất tiền vay theo biểu lãi suất hiện hành.

### 5. Công tác thanh toán.

Việc thanh toán tiền mua nguyên vật liệu và cung ứng lao vụ giữa các xí nghiệp có tài khoản tại ngân hàng thực hiện bằng chuyển khoản. Nghiêm cấm việc đòi thanh toán bằng tiền mặt, đòi ứng trước hoặc nhận ứng trước bằng tiền mặt.

Áp dụng rộng rãi hình thức séc chuyển tiền cầm tay trong việc chuyển tiền từ tỉnh, thành phố này sang tỉnh, thành phố khác để rút ngắn thời gian thanh toán.

Những khoản dưới mức quy định thanh toán chuyển khoản, hoặc những trường hợp đặc biệt, xí nghiệp có trao đổi trước với ngân hàng, thì được thanh toán bằng tiền mặt.

Trong quan hệ mua bán nguyên vật liệu giữa xí nghiệp với những cá nhân, không có tài khoản tại ngân hàng, xí nghiệp được trả hàng bằng tiền mặt.

### III. TÍN DỤNG BẰNG NGOẠI TỆ

Quyết định số 146-HĐBT quy định: « Nếu cần vay ngoại tệ để nhập vật tư, phụ tùng cho sản xuất, xí nghiệp phải lập phương án sản xuất kinh doanh cụ thể, kê cả việc tiêu thụ, xuất khẩu và thanh toán ngoại tệ trình bộ trưởng Bộ chủ quản hoặc chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố duyệt và giao chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh.

Trong việc vay và sử dụng ngoại tệ, xí nghiệp phải theo các chế độ của Nhà nước về quản lý ngoại tệ, về tín dụng ngân hàng và xuất nhập khẩu; xí nghiệp phải bảo đảm sản xuất và kinh doanh có lãi bằng ngoại tệ, thanh toán được số ngoại tệ đã vay (cả gốc lẫn lãi) và nộp tích lũy bằng ngoại tệ cho Nhà nước. Trường hợp bị lỗ, bộ trưởng Bộ chủ quản hoặc chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và phải tìm biện pháp điều tiết trong nội bộ của ngành hoặc địa phương để hoàn lại số ngoại tệ đã vay, kể cả lãi cho ngân hàng ».

Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể thêm như sau :

1. Ngân hàng cho xí nghiệp vay ngoại tệ để nhập vật tư, nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng, thiết bị lẻ để sản xuất hàng hóa.

2. Muốn vay ngoại tệ, xí nghiệp cần:

— Gửi đến Ngân hàng ngoại thương phục vụ mình phương án sản xuất, tiêu thụ được cơ quan chủ quản (Bộ, Tổng cục, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) duyệt và ý kiến đề nghị của ngân hàng Nhà nước cơ sở nơi xí nghiệp mở tài khoản chính;

— Có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm hợp lệ ký với đơn vị mua hàng trong nước thanh

toán bằng ngoại tệ, hoặc với tờ chức ngoại thương ủy thác xuất khẩu ra nước ngoài;

— Bảo đảm trả nợ ngân hàng cả gốc và lãi bằng ngoại tệ đúng hạn.

3. Thời hạn vay ngoại tệ được ấn định theo phương án sản xuất, kinh doanh, bảo đảm một chu kỳ sản xuất, nhưng tối đa không quá 12 tháng.

4. Ngân hàng cho vay ngoại tệ theo tài khoản cho vay đơn giản. Kỳ hạn nợ được ấn định cho từng tháng theo sự thỏa thuận giữa ngân hàng và xí nghiệp. Toàn bộ số ngoại tệ thu bán hàng xí nghiệp phải nộp vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ ở ngân hàng và được hưởng lãi tiền gửi bằng ngoại tệ. Đến hạn trả nợ, ngân hàng trích tài khoản tiền gửi ngoại tệ để thu nợ, số nợ không trả được của mỗi kỳ hạn được chuyển sang nợ quá hạn.

5. Lãi suất cho vay tính theo lãi suất thị trường quốc tế của số ngoại tệ dùng để cho vay. Lãi nợ quá hạn tính theo chế độ lãi suất vay ngoại tệ hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6. Quyền sử dụng số ngoại tệ được lãi trong quá trình kinh doanh của xí nghiệp được vận dụng theo điều 6 quyết định số 113-HĐBT ngày 10-7-1982 của Hội đồng bộ trưởng: nộp tích lũy ngoại tệ cho Nhà nước 30%, còn 70% làm ngoại tệ tự có. Số ngoại tệ này (quyền sử dụng ngoại tệ) được Ngân hàng ngoại thương mở cho xí nghiệp một tài khoản ngoại bằng để theo dõi riêng. Việc sử dụng ngoại tệ chỉ nhằm phục vụ phát triển sản xuất, không được dùng vào các mục đích khác.

7. Việc cho vay ngoại tệ do Ngân hàng ngoại thương trung ương và các chi nhánh ngân hàng ngoại thương tại các tỉnh, thành phố, đặc khu thực hiện theo kế hoạch Ngân hàng Nhà nước trung ương xét duyệt và thông báo trên cơ sở kế hoạch cho vay do Ngân hàng ngoại thương xây dựng. Các xí nghiệp được mở tài khoản tiền gửi ngoại tệ và vay ngoại tệ ở một cơ sở Ngân hàng ngoại thương thuộc khu vực được phân công.

#### IV. QUẢN LÝ TIỀN MẶT VÀ KIỂM SOÁT QUỸ TIỀN LƯƠNG

1. Ngân hàng bảo đảm cung ứng đủ tiền mặt cho xí nghiệp chi tiêu theo đúng mục đích, kế hoạch và phạm vi được sử dụng tiền mặt đã được xác định và thỏa thuận giữa xí nghiệp và ngân hàng.

2. Xí nghiệp không được đem tiền mặt từ tỉnh, thành phố này sang tỉnh, thành phố khác để chi tiêu, mà phải chuyển tiền qua ngân hàng. Ngân hàng cơ sở nơi xí nghiệp chuyển tiền đến có trách nhiệm cung ứng đủ, kịp thời tiền mặt cho xí nghiệp sử dụng phù hợp với quy định về quản lý tiền mặt, thị trường và giá cả của Nhà nước.

3. Xí nghiệp phải nộp toàn bộ số tiền mặt thu bán hàng vào Ngân hàng Nhà nước — những đơn vị có nhu cầu chi thu mua thường xuyên, được phép để lại một số tiền mặt thu bán hàng để chi tại chỗ, theo sự thỏa thuận của ngân hàng.

Ngân hàng cơ sở giúp xí nghiệp tính toán và quy định lại mức tồn quỹ tiền mặt cho phù hợp với tình hình thực tế, theo đúng công văn hướng dẫn số 235-NH/CV ngày 14-11-1981 của Ngân hàng Nhà nước trung ương.

4. Xí nghiệp đăng ký kế hoạch sản xuất, kế hoạch lao động, tiền lương tại ngân hàng theo chế độ quy định.

Ngân hàng kiểm soát việc sử dụng quỹ tiền lương theo mức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, xây dựng cơ bản; ngân hàng cung ứng tiền mặt để xí nghiệp chi tiền lương, tiền thưởng kịp thời và tương ứng với khối lượng sản phẩm xí nghiệp hoàn thành. Ngân hàng từ chối chi trả tiền lương, tiền thưởng nếu xí nghiệp chi vượt tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sản xuất, hoặc thưởng sai với quyết định số 146-HĐBT và hướng dẫn của Bộ Lao động.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này được áp dụng đối với các xí nghiệp sản xuất công nghiệp quốc doanh (và công tư hợp doanh) thuộc các ngành, các cấp (từ huyện, quận trở lên) quản lý theo đúng điểm 7 của quyết định số 146-HĐBT của Hội đồng bộ trưởng.

Những điểm quy định trong các văn bản trước đây của Ngân hàng Nhà nước trái với văn bản này đều hết hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, có ý kiến đề nghị bỏ sung, hoặc sửa đổi, các ngân hàng tỉnh, thành phố báo cáo về Ngân hàng trung ương kèm theo kiến nghị cụ thể để nghiên cứu giải quyết.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 1982

K.T. Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước

Phó tổng giám đốc

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

## TRỌNG TÀI KINH TẾ NHÀ NƯỚC

**THÔNG TƯ số 73-PC/TT ngày 29-9-1982 hướng dẫn thi hành quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng.**

Thi hành quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng về sửa đổi và bổ sung quyết định số 25-CP ngày 21-1-1981 của Hội đồng Chính phủ, Trọng tài kinh tế Nhà nước ra thông tư này hướng dẫn việc ký kết và thực hiện hợp đồng, thanh tra và xét xử những vi phạm hợp đồng kinh tế về tiêu thụ sản phẩm ở các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.

## I. KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh sau khi nhận được quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xác định lại phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh phải xem xét lại các hợp đồng kinh tế đã ký kết trước ngày 25-8-1982, cùng với các bên liên quan đã ký kết hợp đồng kinh tế thảo luận và kết luận các vấn đề cần phải sửa đổi, điều chỉnh, hủy bỏ các hợp đồng không còn phù hợp.

Khi sửa đổi, điều chỉnh, hủy bỏ hoặc ký kết các hợp đồng mới cần chú ý:

1. Toàn bộ sản phẩm do xí nghiệp sản xuất ra phải ký hợp đồng bán hoặc nộp cho các cơ quan thương nghiệp và các đơn vị kinh tế Nhà nước theo kế hoạch phân phối sản phẩm đã được cơ quan giao kế hoạch sản xuất duyệt. Bên sản xuất phải chủ động gặp bên nhận hàng thảo luận việc ký kết hợp đồng giao nhận, mua bán các sản phẩm ấy theo đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền. Nếu cơ quan nhận hàng, mua hàng không đồng ý hoặc chưa có quyết định của cơ quan giao kế hoạch duyệt việc bán hàng giao hàng thì bên sản xuất phải báo ngay bằng văn bản đến các cơ quan đó biết để có ý kiến quyết định. Chậm nhất là sau 15 ngày nhận được báo cáo của đơn vị sản xuất, cơ quan giao kế hoạch và cơ quan nhận hàng, mua hàng phải trả lời. Quá thời hạn quy định trên, xí nghiệp sản xuất được quyền tiêu thụ sản phẩm phụ theo quyết định số 146-HĐBT của Hội đồng bộ trưởng, đối với sản phẩm chính phải có quyết định của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan quản lý cấp trên chịu trách nhiệm về việc chậm trễ đó.

Trường hợp có mặt hàng phải điều chỉnh, hủy bỏ, bên sản xuất phải cùng bên nhận hàng bàn bạc quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi hoặc hủy bỏ và thanh lý các hợp đồng bị hủy bỏ. Thời hạn điều chỉnh, hủy bỏ hợp đồng không được đề